

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HS-ST
Ngày 15 - 5 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Mai Dung

Bà Lý Thị Vui

Thư ký Phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia Phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HS ngày 04/5/2019 đối với các bị cáo:

1. Hà Kim C, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1987 tại huyện C, tỉnh Tuyên Quang, nơi cư trú trước khi bị bắt: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Kim T, sinh năm 1960 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1964; có vợ là Dương Thị N, sinh năm 1989, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 27/12/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và đã được xóa án tích.

- Ngày 09-5-2019, tại bản án số 09/2019/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt bị cáo 30 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 01/2019/HS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang 30 tháng tù. Hình phạt chung bị cáo Hà Kim C phải chịu là 05 năm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 20/9/2018 (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật).

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang theo Bản án số 01/2019/HS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Lý Văn Q, sinh ngày 28 tháng 6 năm 1989 tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên, nơi cư trú trước khi bị bắt: Xóm C, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 07/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Văn Q1, sinh năm 1971 và bà Dương Thị N, sinh năm 1970, có vợ là Bạch Hồng N, sinh năm 1992, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không

Hiện Lý Văn Q đang thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo Bản án số 01/2019/HS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Bị hại: Bà Đặng Thị S (*Tên gọi khác: Đặng Thị Đ*), sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1 - Ông Đào Văn P, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu 10, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt có lý do

2 - Bà Đoàn Thị Lan Hương, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt có lý do

3 - Ông Phạm Tuấn N, sinh năm 1972; nơi cư trú: Khu 3, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt có lý do

4 - Ông Hán Văn P, sinh năm 1957; nơi cư trú: Khu 3, xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt có lý do

5- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965, nơi cư trú: Khu 6, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt có lý do

6 - Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1964; nơi cư trú: Khu 1B, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 06/9/2018 bà Đặng Thị S, sinh năm 1989, cư trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang lên kiểm tra 02 con trâu đực màu đen cột tại phía sau nhà bà Trương Thị D cách nhà bà Đặng Thị S khoảng 50m thì không thấy, sau khi mất trâu gia đình đã tổ chức đi tìm kiếm nhiều ngày nhưng không tìm thấy. Do vậy, ngày 24/9/2018 gia đình bà Đặng Thị S đã gửi đơn đề nghị đến Công an xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang về việc mất trộm trâu.

Sau khi nhận được tin tố giác, Ban Công an xã T, huyện B đã báo cáo vụ việc lên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang để giải quyết theo thẩm quyền, quá trình điều tra cơ quan Công an huyện Bắc Quang đã phối hợp với Công an huyện Quang Bình tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu thập chứng cứ, xác minh. Quá trình điều tra, bước đầu đã xác định Lộc Văn T, sinh năm 1992, trú tại xóm T, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Nguyên cùng Hà Kim C, sinh năm 1987, trú

tại thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang và Lý Văn Q, sinh năm 1989, trú tại xóm C, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là những đối tượng thực hiện hành vi trộm cắp trâu của gia đình bà Đặng Thị S.

Quá trình điều tra Lộc Văn T đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã ra quyết định tách vụ án hình sự số 01 ngày 21/3/2019 để điều tra hành vi của Lộc Văn T trong một vụ án khác.

Tại cơ quan điều tra Hà Kim C và Lý Văn Q khai nhận: Ngày 05/9/2018, Lộc Văn T, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius Biển kiểm soát 20C1-163.52 chở Hà Kim C đi từ thành phố V, tỉnh Phú Thọ lên huyện B, tỉnh Hà Giang với mục đích tìm trâu để trộm cắp. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T và C đi vào đường liên thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang cách đường quốc lộ II khoảng 01 km thì phát hiện 02 con trâu đực lông màu đen (trong đó 01 con khoảng hai năm tuổi và 01 con khoảng 03 năm tuổi) của gia đình bà Đặng Thị S, sinh năm 1989, trú tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang đang buộc ở ruộng phía sau nhà bà Trương Thị D cách nhà bà S khoảng 50m. Thấy trời vẫn còn sáng nên T và C thống nhất là để đến đêm mới trộm cắp, sau đó T lấy điện thoại di động của mình gọi cho Lý Văn Q, sinh năm 1989 trú tại xóm C, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (*do quen biết nhau từ trước*) với nội dung thuê Q chở một chuyến trâu từ Hà Giang xuống Việt Trì với giá 3.000.000^d (*ba triệu đồng*), Q đồng ý. Đến khi trời tối, khoảng 23 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở C quay lại chỗ buộc trâu để C dắt trâu ra ngoài, còn T quay ra đường Quốc lộ II để đón Q. C tháo dây buộc 02 con trâu và dắt men theo đường liên thôn ra đường Quốc lộ II, quá trình di chuyển con trâu khoảng 03 ba năm tuổi có đeo chuông ở cổ phát ra tiếng leng keng, sợ bị phát hiện nên khi dắt được khoảng 400m, C liền tháo dây đeo có chuông ở cổ con trâu ra và vút ở đồi cây gần đường. Sau đó, C tiếp tục dắt 02 con trâu ra bãi đất trống cách mép đường quốc lộ II hướng Hà Giang - Tuyên Quang khoảng 34m và giấu trâu ở đó. Còn Lý Văn Q, sau khi nhận cuộc gọi của T thì Q điều khiển xe ô tô màu xanh, nhãn hiệu KIA, loại xe tải 1,4 tấn Biển kiểm soát 89K-2605 từ nhà lên Hà Giang để chở trâu cho T, dọc đường đi T có liên lạc cho Q. Do không biết địa điểm của C và T ở đâu nên Q lái xe gần đến thành phố Hà Giang thì T mới gọi điện báo Q quay trở lại. Q điều khiển xe quay lại và gặp T đang đứng ở phía bên phải đường quốc lộ II hướng Hà Giang – Tuyên Quang. Khoảng 24 giờ cùng ngày, Q lái xe vào bãi đất trống, tắt máy, tắt đèn xe ô tô và xuống xe để C dắt 02 con trâu lên thùng xe, T và Q hộ đẩy trâu lên. Khi đuôi trâu lên xe, T có nói với Q “*chỉ trộm được hai con trâu thôi*”, Lý Văn Q không nói gì. Sau đó, T điều khiển xe mô tô đi trước còn Q điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 89K-2605, C ngồi ghế phụ trên xe ô tô đi từ huyện B, tỉnh Hà Giang đến thành phố V, tỉnh Phú Thọ để tìm chỗ tiêu thụ. Đi được khoảng 04km, C nói với Q: “*chở hai con trâu trộm cắp này về Việt Trì bán được tiền chia ba, chuyến này trót lọt, chuyến sau tìm được chỗ trộm cắp trâu thì gọi Q đi chở tiếp nhé*”, Lý Văn Q đồng ý. Khi xe ô tô đi đến thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang thì C xuống đi xe mô tô còn T lên xe ô tô ngồi cùng Q. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 06/9/2018, C lấy điện thoại di động gọi điện cho Đào Văn P, sinh năm 1976 trú tại khu 10, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nhờ Đào Văn P bán hộ trâu. Quá trình trao đổi, C nói là trâu mua về bán buôn, P đồng ý và bảo C chở trâu đến để ở nhà bà Kiều Thị T, sinh năm 1946 là mẹ đẻ ở cùng nhà với

P. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, Q chở 02 con trâu đến và để ở nhà bà T rồi Lý Văn Q điều khiển xe về nhà. Ngày 07/9/2018, T và C tiếp tục trộm cắp 01 con trâu đực lông màu đen (khoảng 18 tháng tuổi) ở huyện C, tỉnh Bắc Cạn. Q tiếp tục điều khiển xe lên chở và để trâu ở nhà bà T. Ngày 08/9/2018 Đào Văn P bán 03 con trâu cho Phạm Tuấn N, sinh năm 1972, trú tại Khu 3, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ với giá 41.000.000đ (*bốn mươi một triệu đồng*), sau đó bớt 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) cho Nghĩa. Số tiền bán trâu Đào Văn P đã đưa lại hết cho Hà Kim C.

Trên cơ sở lời khai của Hà Kim C, Lý Văn Q, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã tiến hành truy tìm vật chứng, ngày 06/10/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã tạm giữ được 01 con trâu đực, lông màu đen của bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965 trú tại khu 6, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ và đến ngày 18/10/2018 lại tạm giữ được 01 con trâu đực, lông màu đen của anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1964 trú tại Khu 1B, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ là vật chứng của vụ án. Trên cơ sở điều tra đã xác định: Sau khi Phạm Tuấn N mua được trâu đến ngày 09/9/2018 Nghĩa bán lại 03 con trâu cho Hán Văn P và Nguyễn Thị C với giá 44.700.000đ (*bốn mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*). Ngày 11/9/2018 Hán Văn P và Nguyễn Thị C mổ 01 con trâu (18 (*mười tám*) tháng tuổi) bán được số tiền là 9.800.000đ (*chín triệu tám trăm nghìn đồng*). Đến ngày 22/9/2018 Hán Văn P bán lại 01 con trâu cho Hoàng Văn Đ với giá 15.800.000đ (*mười lăm triệu tám trăm nghìn đồng*). Con trâu P và C mổ là con trâu các bị cáo T, C, Q trộm cắp ở huyện C, tỉnh Bắc Cạn.

Ngày 16/10/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã ra yêu cầu định giá tài sản số 42, đề nghị định giá tài sản đối với 02 con trâu do các bị cáo T, C, Q trộm cắp. Tại biên bản định giá tài sản và bản kết luận định giá tài sản số: 41/KL-HĐĐG ngày 15/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc Quang kết luận:

+ 01 (một) con trâu đực, lông màu đen khoảng hai năm tuổi, chiều dài sừng là 25cm, chu vi vòng bụng nơi to nhất là 1m80cm, chiều cao là 1m10cm, chiều dài thân là 1m80cm, có giá: 15.500.000đ (*mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng*).

+ 01 (một) con trâu đực, lông màu đen khoảng ba năm tuổi, chiều dài thân là 2m08cm, chiều cao là 1m15cm, chu vi vòng bụng nơi to nhất là 1m85cm, chiều dài sừng là 30cm, có giá: 16.500.000đ (*mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tổng cộng: 15.500.000 đồng + 16.500.000 đồng = 32.000.000 đồng (*ba mươi hai triệu đồng*).

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 20/CT-VKSBQ ngày 09/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Hà Kim C, Lý Văn Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Bị hại Đặng Thị S vẫn giữ nguyên quan điểm không đề nghị bồi thường thiệt hại nào khác và đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn Đ vẫn đề nghị hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận phân trách nhiệm dân

sự theo biên bản thỏa thuận ngày 03/5/2019.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại Phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Hà Kim C, Lý Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản”

* Về điều luật và hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 38, 17, 58, điểm b, đoạn 1 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Kim C từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 36, 17, 58, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn Q từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm Cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự. Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên đề nghị không khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

* Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại: Tại giai đoạn điều tra, bị hại đã được bồi thường công đi tìm trâu và được trả lại toàn bộ tài sản, nay không yêu cầu bồi thường nữa, nên đề nghị không xem xét.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã trả lại cho người bị hại 02 con trâu theo biên bản trả lại ngày 21/3/2018, đối với các vật chứng khác đã được xử lý trong vụ án khác nên đề nghị không xem xét.

Các bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ

luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa họ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo Hà Kim C, Lý Văn Q tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản sự việc; biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ hiện trường và bản ảnh khám nghiệm hiện trường; các biên bản làm việc với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; các biên bản tạm giao, nhận, bảo quản vật chứng; bản ảnh vật chứng; biên bản định giá tài sản và bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bắc Quang ngày 15/11/2018 cùng tài liệu khác có trong hồ sơ, đã có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Hà Kim C, Lý Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Đồng thời còn làm mất trật tự an ninh tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Cả hai bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham chơi, đua đòi, lười lao động, các bị cáo đã lợi dụng thời điểm trời tối và mọi người đều đã ngủ say để lén lút trộm cắp tài sản của người khác và bán lấy tiền nhằm mục đích cho việc chi tiêu của cá nhân. Tài sản các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp trong vụ án này là 02 con trâu, đã được định giá là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*), nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nhằm giáo dục các bị cáo và đề răn đe và phòng ngừa chung.

Đối với Lộc Văn T là đối tượng cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với Hà Kim C, Lý Văn Q, quá trình điều tra đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã ra quyết định tách vụ án hình sự số 01 ngày 21/3/2019 để điều tra hành vi của Lộc Văn T trong một vụ án khác. Do đó không có căn cứ để xem xét trong vụ án này.

Đối với tài sản là 01 con trâu các bị cáo trộm cắp tại huyện C, tỉnh Bắc Cạn đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tách ra để cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bắc Cạn điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự phân công, câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định.

Trong vụ án này, Hà Kim C là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và là người tìm nơi tiêu thụ tài sản nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn đối với Lý Văn Q. Mặt khác, về nhân thân bị cáo là người có nhân thân xấu năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong và được xóa án tích. Ngoài ra, trước khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, ngày 06/3/2018 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và ngày 09-5-2019, tại bản án số 09/2019/HS-ST, Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt bị cáo Hà Kim C 30 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của bản án số 01/2019/HS-ST ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang là 30 tháng tù. Hình phạt chung bị cáo Hà Kim C phải chịu là 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 20/9/2018. Mặc dù, bản án của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang đã có hiệu lực pháp luật, nhưng đó là hành vi phạm tội sau và được đưa ra xét xử trước, còn hành vi phạm tội trước tại huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn mới được đưa ra xét xử vào ngày 09/5/2019 và đã được TAND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tổng hợp hình phạt tù, hiện nay bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên trong vụ án này hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tái phạm đối với bị cáo và cũng không tổng hợp hình phạt, nhưng cũng cần phải áp dụng một mức án nghiêm khắc đối với Hà Kim C trong vụ án. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại Phiên tòa bị cáo Hà Kim C đã thành khẩn khai báo và tự nguyện bồi thường công đi tìm trâu cho bị hại số tiền là 4.000.000đ, đồng thời bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại đoạn 1 điểm s, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên cần xem xét khi quyết định mức hình phạt để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Lý Văn Q, mặc dù trong vụ án này bị cáo không được bàn bạc và không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nhưng sau khi nhận được điện thoại của Lộc Văn T thuê chở một chuyến trâu, thời gian vào ban đêm và khi điều khiển xe ô tô đến địa điểm trở trâu, Q tắt máy, tắt đèn xe ô tô và xuống xe cùng T hộ đẩy 02 con trâu lên thùng xe. Tại thời điểm này, T có nói với Q “*chỉ trộm được hai con trâu thôi*”, ngoài ra khi điều khiển xe ô tô đi được khoảng 04 km, C nói với Q: “*chở hai con trâu trộm cắp này về Việt Trì bán được tiền chia ba, chuyến này trót lọt, chuyến sau tìm được chỗ trộm cắp trâu thì gọi Q đi chở tiếp*”

nhê”, Lý Văn Q đồng ý. Điều đó, cho thấy Lý Văn Q đã tiếp nhận ý trí giúp T và C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do đó hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này với vai trò giúp sức. Về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân tốt, vì hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo trong vụ án này là hành vi phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, còn hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo tại huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang là hành vi phạm tội sau nhưng được đưa ra xét xử trước, nên về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo Lý Văn Q được áp dụng là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự nguyện bồi thường công đi tìm trâu cho bị hại số tiền là 3.000.000đ, đồng thời bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và gia đình bị cáo cũng có người thân là người có công với nước đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ như Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp. Do vậy trong vụ án này hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt với bản án số 01/2019/HS-ST ngày 09/01/2019 đã cho hưởng án treo của Tòa án nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang, khi nào bản án này có hiệu lực pháp luật thì bị cáo phải đồng thời chấp hành hai bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ngoài ra, xét thấy bị cáo lao động tự do, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, còn có các đương sự Đào Văn P, Đoàn Thị Lan H là người giúp bán hộ 02 con trâu do các bị cáo trộm cắp; các đương sự Phạm Tuấn N, Hán Văn P, Nguyễn Thị C, Hoàng Văn Đ là người tiêu thụ tài sản do các bị cáo phạm tội mà có. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã xác định các đương sự nêu trên khi thực hiện việc giúp bán tài sản và tiêu thụ tài sản không biết đó là tài sản trộm cắp và việc mua bán là ngay tình, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

* Đối với bị hại: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị hại Đặng Thị S đã được bồi thường công đi tìm trâu và được trả lại T bộ tài sản, nay không yêu cầu bồi thường nữa, nên hội đồng xét xử không xem xét.

* Đối với yêu cầu của ông Đào Văn P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, hội đồng xét xử, xét thấy việc ông P đề nghị bị cáo Hà Kim C phải bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra với số tiền là 31.100.000đ (Ba mươi một triệu, một trăm nghìn đồng) là hoàn toàn có cơ sở, cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

* Đối với yêu cầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Đào Văn P, bà Đoàn Thị Lan H, ông Phạm Tuấn N, ông Hán Văn P, bà Nguyễn Thị C, ông Hoàng Văn Đ, về công nhận sự thỏa thuận phân trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự lập ngày 03/5/2019 (bút lục 278), hội đồng xét xử thấy rằng nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, cần công nhận sự thỏa thuận cho các đương sự cụ thể như sau: Ông Đào Văn P có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Tuấn N, số tiền là 31.100.000đ (*Ba mươi một triệu, một trăm nghìn đồng chẵn*); ông Phạm Tuấn N có trách nhiệm thanh toán cho ông Hán Văn P số tiền là 34.900.000đ (*Ba mươi tư triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn*); ông Hán Văn P có trách nhiệm thanh toán cho ông Hoàng Văn Đ số tiền là 15.800.000đ (*Mười lăm triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn*).

Ngoài ra, trong vụ án này còn có đối tượng Lộc Văn T là đồng phạm cùng thực hiện hành vi phạm tội với Hà Kim C và Lý Văn Q, nhưng hiện nay Lộc Văn T đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định tách vụ án hình sự để điều tra trong một vụ án khác, do đó chưa làm rõ được số tiền cụ thể của mỗi bị cáo được chia trong vụ án này, nên hội đồng xét xử không có cơ sở để xác định trách nhiệm liên đới bồi thường phần dân sự của từng người. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của mình, bị cáo Hà Kim C có quyền yêu cầu Lộc Văn T và Lý Văn Q thực hiện nghĩa vụ liên đới về trách nhiệm dân sự trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã trả lại cho người bị hại 02 con trâu theo biên bản trả lại ngày 21/3/2018 theo đúng quy định, còn những vật chứng khác có liên quan nhưng không thu giữ trong vụ án này, đã được giải quyết trong vụ án khác, nên hội xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định. Bị cáo Hà Kim C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đào Văn P, ông Phạm Tuấn N, ông Hán Văn P phải chịu dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Kim C, Lý Văn Q phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 38, 17, 58; điểm b, đoạn 1 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hà Kim C từ 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án phạt tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, các Điều 36, 17, 58, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lý Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú nhận được Bản án và Quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 75 của Luật Thi hành án hình sự.

- Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lý Văn Q.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự, xử buộc bị cáo Hà Kim C phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đào Văn P, trú tại khu 10, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ số tiền là 31.100.000đ (*Ba mươi một triệu, một trăm nghìn đồng chẵn*).

* Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Ông Đào Văn P, cư trú tại khu 10, xã K, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, có trách nhiệm thanh toán cho ông Phạm Tuấn N, cư trú tại Khu 3, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ số tiền là 31.100.000đ (*Ba mươi một triệu, một trăm nghìn đồng chẵn*).

- Ông Phạm Tuấn N, cư trú tại Khu 3, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, có trách nhiệm thanh toán cho ông Hán Văn P, cư trú tại Khu 3, xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ, số tiền là 34.900.000đ (*Ba mươi tư triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn*).

- Ông Hán Văn P, cư trú tại Khu 3, xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ, có trách nhiệm thanh toán cho ông Hoàng Văn Đ, cư trú tại Khu 1B, xã P, huyện N, tỉnh Phú Thọ, số tiền là 15.800.000đ (*Mười lăm triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23, khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Hà Kim C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*); án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.555.000đ (*Một triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng*). Tổng cộng số án phí bị cáo Hà Kim C phải chịu là 1.755.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

- Bị cáo Lý Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

- Ông Đào Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 777.500đ (*Bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*).

- Ông Phạm Tuấn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 872.500đ (*Tám trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng*).

- Ông Hán Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 395.000đ (Ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án sao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ, huyện P
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa

Đàm Thị Tư

